

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁP MƯỜI  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 12-6-2020  
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Vững  
Ông Đào Văn Hiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngô Thị Ngọc T, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Ấp Xuân Säck, xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, Tiền Giang.

- Bị đơn: Võ Văn N, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp 6B, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Chị T, anh N có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn chị Ngô Thị Ngọc T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N có tìm hiểu và quen biết nhau, sau đó được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường Xuân vào ngày 01/3/2017. Thời gian đầu sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi bất đồng quan điểm sống, từ đó cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được mục đích, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn N.

Về quan hệ nuôi con: Có 01 con chung tên Võ Ngô Ngọc T, sinh ngày 26/11/2016. Hiện nay con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh Võ Văn N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị Thủy yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Ngọc T, không yêu cầu anh Võ Văn N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về quan hệ tài sản: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Võ Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T cưới nhau năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường Xuân vào năm 2017. Lúc đầu, vợ chồng anh chị không xảy ra mâu thuẫn gì, do mẹ anh N và chị T có mâu thuẫn nên chị Thủy đã dọn đồ về nhà mẹ vợ sống, anh vẫn tới lui thăm nom, chăm sóc. Từ khi vợ anh đi làm công nhân tại Công ty Tỷ Thạc thì tình cảm vợ chồng nhạt nhẽo, vì ghen tuông nên anh và chị thường xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2017 đến nay, anh N muốn hàn gắn và đoàn tụ cùng chị T để xây dựng hạnh phúc vì anh còn thương vợ, thương con. Nay, chị T yêu cầu ly hôn. Anh N không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ nuôi con: Anh thống nhất với lời trình của chị T, anh và chị T có 01 con chung tên Võ Ngô Ngọc T, sinh ngày 26/11/2016. Hiện nay, con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, anh không đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng vì nhiều lần tới lui thăm nom anh thấy chị T không chăm sóc chu đáo cho bé Ngọc T, có lúc chị T đi chơi thâu đêm bỏ con cho bà Ngoại giữ, anh N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Võ Ngô Ngọc T, sinh ngày 26/11/2016, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không có.

Về nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bên cạnh đó, bị đơn anh Võ Văn N hiện đang cư trú tại ấp 6B, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Lễ

ra, hai bên phải biết yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, giữ gìn hạnh phúc gia đình, nhưng trái lại chị T, anh N không tôn trọng tình cảm đã có, anh N không quan tâm, chăm sóc chị T dẫn đến mâu thuẫn xảy ra. Hơn nữa, chị T và anh N không có giải pháp tích cực để hàn gắn tình cảm. Nay chị T yêu cầu Tòa án cho chị ly hôn với anh N và anh N cũng đồng ý ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái đạo đức xã hội và quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về quan hệ nuôi con: Chị T và anh N thống nhất có 01 con chung tên Võ Ngô Ngọc T, sinh ngày 26/11/2016, hiện nay con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Ngọc T và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng Ngọc T, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Xét thấy, việc chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định:

“ ...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”

Xét thấy, hiện bé Ngọc T chỉ mới được 43 tháng tuổi, là con gái, về mặt tâm sinh lý đây là giai đoạn bé rất cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Bên cạnh đó, từ trước khi vợ chồng ly hôn cho đến nay bé Ngọc T vẫn đang sống cùng chị T tại nhà bên Ngoại ở ấp Xuân Säck, xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, chị T kinh doanh mua bán hàng online với mức thu nhập ổn định từ 04 – 05 triệu đồng/ tháng và đã chăm lo cho bé Ngọc T có cuộc sống ổn định, thể chất phát triển bình thường, đồng thời chị T cũng để anh N thực hiện quyền thăm nom con từ trước đến nay. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T về việc được quyền nuôi bé Ngọc T và không yêu cầu anh N cấp dưỡng là có căn cứ chấp nhận.

Về phía anh N, anh cho rằng chị T không chăm sóc chu đáo cho Ngọc T, chị T có những cuộc chơi thâu đêm bỏ con ở với Ngoại, do đó anh yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Ngọc T, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Tuy nhiên, anh N không đưa được chứng cứ chứng minh cho lời khai nại của mình nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị T và anh N thống nhất không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh N thống nhất không có nợ ai, không có ai nợ anh, chị và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Chị Ngô Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000281 ngày 13/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Ngô Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Võ Văn N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị Ngọc T, anh Võ Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

#### **Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ngô Thị Ngọc T và anh Võ Văn N.

- Về quan hệ nuôi con: Chị Ngô Thị Ngọc T được quyền nuôi dưỡng con chung tên Võ Ngô Ngọc Tuyên, sinh ngày 26/11/2016. Chị T không yêu cầu anh Võ Văn N cấp dưỡng.

Chị Ngô Thị Ngọc T, anh Võ Văn N có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh Võ Văn N có quyền thăm nom con mà không ai cản trở. Nếu anh Võ Văn N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Ngô Thị Ngọc T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Võ Văn N.

- Về quan hệ tài sản: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Ngô Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000281 ngày 13/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Ngô Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Võ Văn N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị Ngọc T, anh Võ Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND, VKSND Tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS Huyện;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (Diệu).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Diệu**